

Số: 299/2026/QĐST-DS

Cà Mau, ngày 21 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 363/2026/TLST - DS ngày 30 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông **Phạm Văn A**, sinh ngày 01/01/1977. Căn cước số 095077005665 cấp ngày 10/5/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Bà **Trần Thị T**, sinh ngày 01/01/1977. Căn cước số 095177009164 cấp ngày 02/7/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cùng địa chỉ: **Ấp C (nay ấp C), xã C, tỉnh Cà Mau.**

- Bị đơn:

1. Ông **Phạm Văn B**, sinh ngày 01/01/1975. Căn cước số 095075000434 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Bà **Trần Lệ H**, sinh ngày 01/01/1978. Căn cước số 095178000615 cấp ngày 25/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cùng địa chỉ: **Ấp C (nay ấp C), xã C, tỉnh Cà Mau.**

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Buộc vợ chồng ông **Phạm Văn B** và bà **Trần Lệ H** liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông **Phạm Văn A**, bà **Trần Thị T** tổng số tiền nợ hụi là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), nhưng hòa giải thành được giảm 50% bằng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Ông **Phạm Văn A**, bà **Trần Thị T** và ông **Phạm Văn B**, bà **Trần Lệ H** thỏa thuận và thống nhất ông **Phạm Văn A**, bà **Trần Thị T** tự nguyện cùng chịu án phí 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Ông **Phạm Văn A**, bà **Trần Thị T** đã nộp tạm ứng án phí 2.088.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008593 ngày 29/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ, ông **A**, bà **T** được nhận lại số tiền 1.088.000 đồng (Một triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng).

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kiều A1